

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/DS-PT

Ngày 14-12-2020

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,  
buộc tháo dỡ, di dời tài sản trên đất,  
hủy giao dịch mua bán, chuyển  
nhượng quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Lệ Hương;

*Các Thẩm phán:* Ông Lộc Sơn Thái;

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Chu Thị Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:**  
Bà Mông Thị Mai Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc tháo dỡ, di dời tài sản trên đất, yêu cầu hủy giao dịch mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 78/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2020 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 69/TB-TA ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lý Thị H; địa chỉ cư trú: Số 399, đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

1. Bà Hoàng Thị K, Luật sư Văn phòng Luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

2. Bà Ngô Thị Thanh H, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

**- Bị đơn:** Bà Lê Thị T; địa chỉ cư trú: Thôn H (P - T), xã Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Bà Hoàng Thị T; địa chỉ: Xóm L, thôn H, xã Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 03-6-2020), có mặt ngày 09-12-2020, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 14-12-2020;

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Lương Thị H, Luật sư Văn phòng Luật sư M, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*Em ruột của bà Lý Thị H:*

1. Ông Lý Viết H, có mặt;
2. Ông Lý Viết C, vắng mặt;

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Viết C:* Bà Nguyễn Thị T; (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền 27-02-2020), có mặt;

Ông Lý Viết H, ông Lý Viết C, bà Nguyễn Thị T cùng địa chỉ: Thôn H (P - T), xã Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

3. Bà Lý Thị H1; địa chỉ: Số 118, Phố M, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

4. Bà Lý Thị H2; địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

5. Ông Lý Viết C1; địa chỉ: Xóm H, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

*Con của bà Lý Thị H:*

6. Anh Hoàng Xuân Th; địa chỉ: Số 25, phố N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

7. Anh Hoàng Minh T (tên khác: Hoàng Minh Th); địa chỉ: Số 399, đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Hoàng Xuân Th và anh Hoàng Minh T:* Bà Lý Thị H (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền cùng ngày 25-02-2020), có mặt;

8. Chị Hoàng Bích L; địa chỉ: Số 27B, đường 19/8, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

*Con của bà Lê Thị T:*

9. Anh Hoàng Xuân T, có mặt;
10. Chị Hoàng Thị Ng, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;  
Cùng địa chỉ: Thôn H (P - T), xã Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

11. Chị Hoàng Thị Ng2; địa chỉ: Thôn H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

12. Chị Hoàng Thị Ng3; địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

*Con của ông Lý Viết H:*

13. Chị Lý Thị H3, chị Lý Thị H4, vắng mặt;

14. Anh Lý Việt H, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

15. Chị Lý Thị H5, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

16. Anh Lý Việt H1, vắng mặt;

Các con của ông Lý Viết H cùng địa chỉ: Thôn H (P - T), xã Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

*- Người làm chứng:*

1. Ông Bùi Minh H, công chức địa chính xã Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

2. Ông Hà Văn C (tên khác: Hà Công S, Hà C), nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

3. Ông Hoàng B; địa chỉ: Số 70, đường Tây Sơn, khối 12, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

4. Ông Nguyễn Văn S; địa chỉ: Số 50, đường Tông Đản, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

5. Ông Hoàng Văn Th, có mặt;

6. Bà Phạm Thị P, có mặt;

7. Bà Lã Thị B, có mặt;

8. Ông Nông Văn L, có mặt;

9. Ông Hoàng Văn Ph, có mặt;

Ông Hoàng Văn Th, bà Phạm Thị P, bà Lã Thị B, ông Nông Văn L, ông Hoàng Văn Ph cùng địa chỉ: Thôn H (P - T), xã Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

*- Người kháng cáo: Bà Lý Thị H, là nguyên đơn.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ gia đình: Cụ Lý Viết M (chết năm 2016) kết hôn với cụ Trần Thị X (chết năm 1968), sinh được 06 người con gồm bà Lý Thị H, ông Lý Viết C, bà Lý Thị H1, ông Lý Viết H, bà Lý Thị H2 và ông Lý Viết C1; năm 1975, bà Lý Thị H kết hôn với ông Hoàng Văn Th1 (chết năm 1992). Cụ Lý Viết M không biết đọc, không biết viết.

Về diện tích đất và tài sản trên đất tranh chấp: Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, Biên bản định giá tài sản do Tòa án nhân dân thành phố L tiến hành ngày 06-3-2020 và sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo xác định diện tích đất tranh chấp là  $216,6m^2$ , là một phần thửa đất số 105, tờ bản đồ số 77, bản đồ địa chính xã Đ, thành phố L (sau đây viết tắt là thửa đất số 105), có ranh giới tiếp giáp và kích thước cạnh như sau:

- Phía Tây Bắc giáp phần còn lại của thửa đất số 105 của bà Lê Thị T, dài 18,32m;

- Phía Đông Bắc tiếp giáp đất của bà Dương Thị M và ngõ bê tông, tổng chiều dài 11,4m ( $3,21m + 3,16m + 4,29m + 0,38m$ );

- Phía Đông Nam tiếp giáp phần còn lại của thửa đất số 105 (hiện trạng giáp đất ông Hoàng Thế D sử dụng, có tường rào), dài 17,5m;

- Phía Đông Nam giáp đường bê tông, tổng chiều dài 13,02m ( $1,97m + 1,8m + 9,25m$ ).

Tài sản trên đất tranh chấp có công trình xây dựng, vật kiến trúc do bà Lê Thị T tạo lập, gồm tường rào xây năm 2004; sân lát bê tông xi măng, cổng sắt, nhà tạm, nhà vệ sinh, nhà tắm, chuồng gà xây dựng năm 2007; đồ dùng sinh hoạt (téc nước, bình nóng lạnh); cây trồng trên đất gồm 21 cây đào, 01 cây bưởi, 01 cây chanh, 01 cây mắc mật, và một số loại rau.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 06-3-2020, Hội đồng định giá xác định giá đất tranh chấp là 7.000.000 đồng/ $m^2$ ; giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp là 1.516.200.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Lý Thị H trình bày: Trước năm 1970, cụ Lý Viết M mua một thửa đất tại thôn P, xã Đ, hiện nay là thửa đất số 105, và dựng nhà trình tường để gia đình sinh sống. Sau khi cụ Trần Thị X chết, gia đình cụ Lý Viết M đã chuyển về nhà cũ, nhưng vẫn ở cùng thôn sinh sống. Năm 1977, cụ Lý Viết M cho bà Lý Thị H làm nhà ở trên thửa đất số 105; ngay trong năm 1977, bà Lý Thị H đã dựng nhà trát vách để ở và dựng 03 gian nhà trình tường, vừa để làm bếp, công trình phụ, vừa chăn nuôi; năm 1982 và năm 1990, cụ Lý Viết M đã nhờ người viết Giấy xác nhận về việc cho và Lý Thị H thửa đất; năm 1983, ông Hoàng Văn Th1 đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, diện tích  $258m^2$ ; tại Sổ đăng ký ruộng đất năm 1989 của xã Đ, ông Hoàng Văn Th1 đứng tên chủ sử dụng thửa đất số 428, diện tích  $348m^2$ .

Ngày 03-11-1992, bà Lý Thị H và ông Hoàng Văn Th1 đã chuyển nhượng, nhà, đất cho vợ chồng ông Hoàng Văn Th2 (chết năm 1996) và bà Lê Thị T. Tại “Giấy bán nhà” thể hiện “*Diện tích gồm nhà chính, nhà bếp và sân có chiều dài 16m, rộng 9m thành  $144m^2$ ...; phía Đông giáp mảnh đất ông Lý Văn M rồi đến nhà ông Hoàng Văn D1...*”; giá chuyển nhượng là 6.500.000 đồng; phần còn lại của thửa đất bà Lý Thị H không bán.

Bà Lý Thị H cho rằng từ sau khi chuyển nhượng nhà, đất, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, các con còn nhỏ nên bà Lý Thị H không có điều kiện

sử dụng phần đất còn lại. Năm 2019, bà Lê Thị T kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã nhờ bà Lý Thị H xác nhận về nguồn gốc đất; lúc đó, bà Lý Thị H mới biết bà Lê Thị T đã lấn chiếm phần đất còn lại mà bà chưa chuyển nhượng; tuy nhiên, bà Lê Thị T cho rằng, phần đất còn lại bà Lê Thị T đã nhận chuyển nhượng của ông Lý Viết H.

Do đó, bà Lý Thị H khởi kiện, yêu cầu bà Lê Thị T tháo dỡ, di dời tài sản trên đất, trả lại cho bà Lý Thị H 216,6m<sup>2</sup> đất tranh chấp; hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Lý Viết H, bà Tống Thị N và ông Hoàng Văn Th2, bà Lê Thị T.

Anh Hoàng Xuân Th và anh Hoàng Minh T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị H và ủy quyền cho bà Lý Thị H tham gia tố tụng; chị Hoàng Bích L được triệu tập, nhưng không tham gia tố tụng.

Bà Lê Thị T và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 03-11-1992, vợ chồng bà Lê Thị T đã nhận chuyển nhượng nhà đất với vợ chồng bà Lý Thị H như bà Lý Thị H đã trình bày; ngày 12-12-1992, ông Hoàng Văn Th2 và bà Lê Thị T đã nhận chuyển nhượng phần đất vườn, là phần còn lại của thửa đất với ông Lý Viết H và bà Tống Thị N. Sau khi nhận chuyển nhượng nhà, đất, gia đình bà Lê Thị T đã quản lý, sử dụng toàn bộ khu đất từ năm 1992, không có tranh chấp. Năm 2019, khi kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình bà Lê Thị T đến gặp bà Lý Thị H để xin xác nhận về nguồn gốc đất thì mới xảy ra tranh chấp. Do đó, bà Lê Thị T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị H.

Anh Hoàng Xuân T nhất trí với ý kiến của bà Lê Thị T; các chị Hoàng Thị Ng, Hoàng Thị Ng2 và Hoàng Thị Ng3 được triệu tập, nhưng không tham gia tố tụng.

Ông Lý Viết H, ông Lý Viết C và bà Nguyễn Thị T trình bày: Năm 1977, gia đình bà Lý Thị H được cụ Lý Viết M cho làm nhà ở trên thửa đất tại thôn P; năm 1988, vợ chồng bà Lý Thị H xây dựng nhà gạch như bà Lý Thị H đã trình bày. Năm 1990, cụ Lý Viết M viết giấy cho bà Lý Thị H phần đất đã xây dựng nhà ở, trong đó, giấy ghi ngày 12-01-1990 do ông Lý Viết C viết, ông Lý Viết H không biết. Sau đó, bà Lý Thị H đào giếng trên phần đất còn lại nên giữa ông Lý Viết H và vợ chồng bà Lý Thị H xảy ra xô sát; do đó, ngày 22-5-1990, cụ Lý Viết M, ông Lý Viết C và ông Lý Viết H đã cùng nhau viết Giấy chứng nhận, với nội dung cụ Lý Viết M cho bà Lý Thị H diện tích đất 130m<sup>2</sup>, là diện tích vợ chồng bà Lý Thị H đã xây dựng nhà, công trình phụ.

Tháng 11 năm 1992, vợ chồng bà Lý Thị H chuyển nhượng cho vợ chồng bà Lê Thị T gồm nhà, công trình phụ và toàn bộ diện tích đất được cụ Lý Viết M cho; sau hơn một tháng, được sự đồng ý của cụ Lý Viết M, ông Lý Viết H đã chuyển nhượng nốt phần đất vườn cho vợ chồng bà Lê Thị T và gia đình bà Lê Thị T đã sử dụng đất ổn định. Ông Lý Viết H và bà Nguyễn Thị T xác định việc bà Lý Thị H khởi kiện đòi đất là không có căn cứ.

Bà Lý Thị H1, bà Lý Thị H2 và ông Lý Viết C1 trình bày: Cụ Lý Viết M đã cho bà Lý Thị H thừa đất tại P; năm 1990, giữa ông Lý Viết H và bà Lý Thị H xảy ra tranh chấp đất đai nên cụ Lý Viết M viết giấy xác nhận cho bà Lý Thị H đất; năm 1992, bà Lý Thị H chỉ bán diện tích 144m<sup>2</sup>, phần đất còn lại không bán.

Các con của ông Lý Viết H gồm chị Lý Thị H3, chị Lý Thị H5, anh Lý Việt H, chị Lý Thị H4 và anh Lý Việt H1 được triệu tập, nhưng không tham gia tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST, ngày 10 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 158, 165, khoản 2 Điều 166, Điều 385, 398, 400, 401, 430, 444, 450 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 100, Điều 105, 166, 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 3, 14 Điều 26, Điều 35, 39, 70, 244, khoản 4 Điều 147, Điều 157, 165, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 12, khoản 1, 4 Điều 26, điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị H về việc yêu cầu hộ bà Lê Thị T trả lại quyền sử dụng đất, buộc tháo dỡ, di dời tài sản trên đất và yêu cầu hủy giao dịch mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lý Viết H, bà Tống Thị N với ông Hoàng Văn Th2 và bà Lê Thị T đối với diện tích 216,6m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 77, bản đồ địa chính xã Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (có kích thước, ranh giới tiếp giáp cụ thể và sơ họa thửa đất kèm theo);

2. Hộ bà Lê Thị T sử dụng đất là hợp pháp; hộ bà Lê Thị T có quyền, nghĩa vụ thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền đối với diện tích 216,6m<sup>2</sup> đất (đã nêu tại phần trên).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 21-8-2020, bà Lý Thị H kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 10-8-2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

Ngày 24-8-2020, bà Lý Thị H có đơn kháng cáo bổ sung, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị H; buộc bà Lê Thị T phải tháo dỡ, di dời tài sản trên đất để trả lại đất cho bà Lý Thị H; hủy giao dịch mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lý Viết H, bà Tống Thị N với ông Hoàng Văn Th2 và bà Lê Thị T vì vô hiệu; công nhận quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của bà Lý Thị H đối với diện tích 216,6m<sup>2</sup> đất, thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 77, bản đồ địa chính xã Đ, thành phố L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lý Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo tại đơn kháng cáo ngày 24-8-2020;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lý Thị H trình bày: Nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của cụ Lý Viết M, đã cho bà Lý Thị H làm nhà ở từ năm 1977; năm 1982, cụ Lý Viết M nhờ người viết giấy tặng cho đất cho bà Lý Thị H, có ghi các phía tiếp giáp cụ thể; năm 1990, cụ Lý Viết M viết Giấy chứng nhận, xác nhận việc cho bà Lý Thị H diện tích đất tại thôn P, trong đó, giấy ghi ngày 12-01-1990 có xác nhận của UBND xã Đ;

Về quá trình sử dụng đất: Năm 1977, bà Lý Thị H làm nhà trát vách và nhà trình tường để ở bên mé phía Đông thửa đất; năm 1983, ông Hoàng Văn Th1 đã kê khai, được UBND xã Đ cấp Phiếu xác nhận, diện tích đất kê khai là 258m<sup>2</sup>; năm 1988, bà Lý Thị H xây dựng nhà gạch 03 gian ở mé phía Tây thửa đất để ở; năm 1989, ông Hoàng Văn Th1 được đứng tên trong Sổ đăng ký ruộng đất đối với thửa đất số 428, diện tích 348m<sup>2</sup>; năm 1992, vợ chồng bà Lý Thị H đã chuyển nhượng 144m<sup>2</sup> đất cho bà Lê Thị T, diện tích đất còn lại vẫn thuộc quyền sử dụng của bà Lý Thị H.

Việc bà Lê Thị T lấn chiếm đất và ông Lý Viết H bán đất của bà Lý Thị H là trái phép vì ông Lý Viết H không có quyền sử dụng đất. Toàn bộ diện tích 216,6m<sup>2</sup> đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Lý Thị H. Tại Bản án sơ thẩm, cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ không toàn diện, khách quan; nội dung nhận định có mâu thuẫn, dẫn đến quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị H, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà Lý Thị H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Lý Thị H, sửa Bản án sơ thẩm; buộc bà Lê Thị T tháo dỡ tài sản gắn liền với đất để trả lại đất cho bà Lý Thị H vì giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lý Viết H và bà Lê Thị T vô hiệu.

Bà Lê Thị T không chấp nhận kháng cáo của bà Lý Thị H và đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị T trình bày: Nguồn gốc toàn bộ thửa đất là của cụ Lý Viết M. Quá trình giải quyết vụ án, bà Lý Thị H nộp cho Tòa án giấy cho đất ngày 15-6-1982, tuy nhiên, nội dung không thể hiện giấy do ai viết, không có người làm chứng, do đó, không có căn cứ chứng minh nội dung thể hiện đúng ý chí của cụ Lý Viết M. Trên cơ sở Giấy cho đất năm 1982, năm 1983, ông Hoàng Văn Th1 kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và năm 1989 đứng tên trong Sổ đăng ký ruộng đất là không có căn cứ.

Ngày 12-01-1990, ông Lý Viết C viết giấy thể hiện cụ Lý Viết M cho bà Lý Thị H 258m<sup>2</sup> đất, có xác nhận của chính quyền địa phương, do đó, Giấy chứng nhận này có giá trị pháp lý; năm 1992, bà Lý Thị H bán nhà, đất cho bà Lê Thị T, trong giấy ghi rõ phía Đông giáp đất ông Múc. Do đó, có căn cứ xác định và Lý Thị H đã bán toàn bộ nhà và khuôn viên đất cho bà Lê Thị T; đồng thời xác định phần đất còn lại thuộc quyền sử dụng của cụ Lý Viết M.

Tháng 12 năm 1992, lúc này cụ Lý Viết M đang ở cùng ông Lý Viết H, đã cho phép ông Lý Viết H chuyển nhượng phần đất còn lại cho bà Lê Thị T, việc này ông Lý Viết C và nhiều người làm chứng biết, thể hiện ở lời khai của ông Lý Viết C, bà Phạm Thị P, bà Lã Thị B.... Toàn bộ diện tích đất nhận chuyển nhượng, gia đình bà Lê Thị T đã sử dụng ổn định, liên tục; cụ Lý Viết M khi còn sống và anh chị em của bà Lý Thị H đều biết, nhưng không ai phản đối, không có tranh chấp. Do đó, quyết định của Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị H là khách quan, đúng quy định; đề nghị cấp phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của bà Lý Thị H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ông Lý Viết H xác định cụ Lý Viết M chết năm 2016. Năm 1992, cụ Lý Viết M cho phép ông Lý Viết H chuyển nhượng đất cho bà Lê Thị T nên ông Lý Viết H mới chuyển nhượng; việc ông Lý Viết H chuyển nhượng đất cho bà Lê Thị T từ năm 1992 không có tranh chấp. Ông Lý Viết H và bà Nguyễn Thị T nhất trí với ý kiến của bà Lê Thị T và cho rằng bà Lý Thị H kháng cáo đòi quyền sử dụng đất là không đúng.

Người làm chứng là ông Hoàng B và ông Nguyễn Văn S trình bày: Các ông nguyên là bộ đội, có quen biết ông Hoàng Văn Th1 nên thường lên nhà ông Hoàng Văn Th1 tại P chơi; các ông được nghe kể là cụ Lý Viết M cho vợ chồng ông Hoàng Văn Th1 đất để làm nhà, nhưng không biết rõ diện tích đất được cho là bao nhiêu; trước năm 1988, gia đình ông Hoàng Văn Th1 sinh sống trong ngôi nhà trát vách; năm 1988, ông Nguyễn Văn S đã cùng đồng đội hỗ trợ, giúp xây dựng ngôi nhà gạch cho gia đình ông Hoàng Văn Th1.

Ông Hà Văn C, nguyên là Phó Chủ tịch UBND xã Đ (nghỉ hưu năm 1994), là người trực tiếp ký xác nhận vào Giấy chứng nhận ngày 12-01-1990 trình bày: Thời điểm đó, cụ Lý Viết M và bà Lý Thị H đến UBND xã yêu cầu xác nhận việc cụ Lý Viết M cho bà Lý Thị H đất. Trước khi xác nhận, ông Hà Văn C đã đến thực địa để xem xét hiện trạng đất, diện tích khoảng 300m<sup>2</sup>, nhưng không đo đạc cụ thể; thửa đất có hàng rào cúc tần bao quanh, có lối đi rộng khoảng 01m từ ngõ vào khu đất, ở cạnh nhà bà Lý Thị H, chia khu đất thành 02 phần. Thời điểm đó, cụ Lý Viết M nói chia cho con gái làm nhà một phần, phần còn lại để làm vườn. Khi ông Hà Văn C còn công tác, ông không nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai của bà Lý Thị H. Tranh chấp trong nội bộ gia đình do ông Lý Viết M tự giải quyết.

Người làm chứng là ông Hoàng Văn Th, bà Phạm Thị P, bà Lã Thị B, ông Nông Văn L, ông Hoàng Văn Ph đều xác định sau khi bán nhà, đất cho bà Lê Thị T, gia đình và Lý Thị H không quản lý, sử dụng đất; bà Lê Thị T đã sử dụng toàn bộ thửa đất từ năm 1992; quá trình sử dụng đất, bà Lê Thị T đã xây tường rào bao quanh, làm sân, cải tạo, sửa chữa công trình xây dựng, trồng cây... không có tranh chấp; đến năm 2019 bà Lý Thị H mới tranh chấp đất với bà Lê Thị T.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và



tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự, người làm chứng có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự vì vắng mặt không có lý do khi được Tòa án triệu tập;

Về việc kháng cáo của bà Lý Thị H: Bà Lý Thị H nộp đơn kháng cáo và đơn kháng cáo bổ sung đều trong hạn luật định, do đó, kháng cáo là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lý Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo thể hiện tại đơn kháng cáo ngày 24-8-2020.

Quan điểm giải quyết đối với Bản án sơ thẩm bị kháng cáo: Bà Lý Thị H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị H. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp, theo đơn khởi kiện bà Lý Thị H xác định là 224,3m<sup>2</sup>; sau khi có kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, bà Lý Thị H xác định diện tích đất tranh chấp là 216,6m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 105.

Về nguồn gốc, thửa đất do cụ Lý Viết M nhận chuyển nhượng, đã sử dụng làm nhà ở; năm 1977, cụ Lý Viết M cho bà Lý Thị H làm nhà ở; năm 1982, viết giấy cho đất bà Lý Thị H, trong đó thể hiện rõ ranh giới tiếp giáp tứ cận; năm 1983, ông Hoàng Văn Th1 kê khai và được UBND xã Đ cấp Phiếu xác nhận đã kê khai diện tích 258m<sup>2</sup>; đồng thời, ông Hoàng Văn Th1 đứng tên trong Sổ đăng ký ruộng đất đối với thửa đất số 428, diện tích 348m<sup>2</sup>.

Năm 1988, bà Lý Thị H xây dựng nhà gạch 03 gian ở mé Tây thửa đất. Do có tranh chấp trong gia đình nên ngày 12-01-1990, cụ Lý Viết M viết Giấy chứng nhận việc cho bà Lý Thị H đất; ngày 22-5-1990, ông Lý Viết C tiếp tục viết Giấy chứng nhận, nội dung cụ Lý Viết M cho bà Lý Thị H diện tích 230m<sup>2</sup> đất.

Ngày 03-11-1992, bà Lý Thị H chuyển nhượng nhà, đất cho bà Lê Thị T. Tại phiên tòa, bà Lý Thị H xác định phần còn lại giáp đất ông Lý Viết M; Bà Lý Thị H yêu cầu bà Lê Thị T di dời tài sản, trả lại đất tranh chấp vì xác định chỉ chuyển nhượng diện tích đất 144m<sup>2</sup>, phần còn lại không bán. Tuy nhiên, căn cứ Giấy cho đất năm 1982, 1990, không có căn cứ xác định đất tranh chấp là của bà Lý Thị H.

Ông Hoàng Văn Th1 đứng tên trong Sổ đăng ký ruộng đất, nhưng không thể hiện rõ nguồn gốc đất đăng ký; Giấy bán nhà ghi phía Đông giáp đất ông Múc, do đó, có căn cứ xác định bà Lý Thị H đã bán toàn bộ diện tích đất được ông Lý Viết M cho.

Ngày 12-12-1992, ông Lý Viết H bán đất cho bà Lê Thị T. Ông Lý Viết H xác định bản thân ông không có quyền bán đất, nhưng ông Lý Viết H và ông Lý Viết C đều xác định cụ Lý Viết M đồng ý cho ông Lý Viết H bán đất nên ông Lý Viết H mới bán. Căn cứ điểm b.3, tiểu mục 2.2, mục 2, Phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP; gia đình bà Lê Thị T sau khi nhận chuyển nhượng đã xây

dựng tường rào, trồng cây; bên chuyển nhượng không phản đối; bà Lê Thị T không bị xử phạt vi phạm hành chính về sử dụng đất. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị H không có cơ sở chấp nhận. Bà Lý Thị H cũng thừa nhận, mặc dù cho rằng đất của gia đình, nhưng từ năm 1992, gia đình bà Hiền không sử dụng đất, đến năm 2019 mới tranh chấp.

Với nội dung phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Lý Thị H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 10-8-2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Ông Lý Viết C vắng mặt, nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa; chị Hoàng Thị Ng, chị Hoàng Thị Ng2, chị Hoàng Thị Ng3, anh Lý Việt H, chị Lý Thị H5, ông Bùi Minh H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Lý Thị H2, ông Lý Viết C1, chị Hoàng Bích L, chị Lý Thị H3, anh Lý Việt H1 đã được triệu tập lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, vụ án đã được triệu tập lần thứ hai; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đều không có kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm; người làm chứng vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 229, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Về phạm vi, nội dung kháng cáo: Tại đơn kháng cáo ngày 21-8-2020, bà Lý Thị H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm; tại đơn kháng cáo ngày 24-8-2020, bà Lý Thị H đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, việc thay đổi nội dung kháng cáo của bà Lý Thị H đối với Bản án sơ thẩm trong thời hạn kháng cáo, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lý Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo tại đơn đề ngày 24-8-2020, do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định nội dung kháng cáo theo đơn kháng cáo ngày 24-8-2020 của bà Lý Thị H.

[3] Xét kháng cáo của bà Lý Thị H về yêu cầu được quyền sử dụng diện tích 216,6m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 105; buộc bà Lê Thị T tháo dỡ, di dời tài sản trên đất, thấy rằng:

[4] Về nguồn gốc thửa đất và quá trình sử dụng đất của bà Lý Thị H: Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bà Lý Thị H và các em của bà Lý Thị H, lời khai của người làm chứng, có cơ sở xác định toàn bộ thửa đất số 105 có nguồn gốc của cụ Lý Viết M (Lý Văn M). Năm 1977, cụ Lý Viết M cho vợ chồng bà Lý Thị H làm nhà ở trên thửa đất; bà Lý Thị H và gia đình đã làm nhà, công trình phụ và sinh sống trên thửa đất số 105 từ năm 1977; năm 1988, gia đình bà Lý Thị H xây dựng nhà gạch 03 gian; đến tháng 11 năm 1992, vợ chồng bà Lý Thị H chuyển nhượng nhà, đất cho vợ chồng bà Lê Thị T và chuyển đến nhà số 25, phố N, phường T, thành phố L sinh sống.

[5] Về diện tích đất cụ Lý Viết M cho bà Lý Thị H: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lý Thị H cho rằng cụ Lý Viết M đã cho bà Lý Thị H toàn bộ thửa đất, thể hiện tại các Đơn để lại đất ngày 15-6-1982, Giấy chứng nhận ngày 12-01-1990 và Giấy chứng nhận ngày 22-5-1990; sau khi được cho đất, ông Hoàng Văn Th1 đã kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, thể hiện tại Phiếu chứng nhận ngày 26-01-1983, với nội dung Hội đồng kê khai đăng ký xã Đ xác nhận ông Hoàng Văn Th1 đã kê khai quyền sử dụng 258m<sup>2</sup> đất.

[6] Xét thấy, Đơn để lại đất ngày 15-6-1982 thể hiện diện tích đất cụ Lý Viết M cho bà Lý Thị H là 258m<sup>2</sup> và ghi ranh giới tiếp giáp tứ cận. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà Lý Thị H thừa nhận cụ Lý Viết M không biết chữ; nội dung Đơn để lại đất không thể hiện ai là người viết hộ, không thể hiện có người người làm chứng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lý Thị H khai do cụ Hoàng Văn Đường viết hộ, nhưng cụ Hoàng Văn Đường đã chết; cuối đơn có dấu điểm chỉ, nhưng không ghi rõ điểm chỉ ngón tay nào, không có cơ sở xác định có phải điểm chỉ của cụ Lý Viết M hay không. Do đó, không có cơ sở xác định năm 1982, cụ Lý Viết M cho bà Lý Thị H thửa đất trên cơ sở Đơn để lại đất ngày 15-6-1982.

[7] Tại Giấy chứng nhận đề ngày 12-01-1990 do ông Lý Viết C viết vẫn thể hiện diện tích đất cụ Lý Viết M cho bà Lý Thị H là 258m<sup>2</sup>, nhưng không ghi cụ thể các phía tiếp giáp; ngày 22-5-1990, ông Lý Viết C tiếp tục viết Giấy chứng nhận, nội dung thể hiện cụ Lý Viết M cho bà Lý Thị H khoảng 230m<sup>2</sup> để làm nhà và công trình phụ; quá trình giải quyết vụ án, ông Lý Viết C và ông Lý Viết H cho rằng diện tích đất ghi tại Giấy chứng nhận ngày 22-5-1990 là 130m<sup>2</sup>, số 1 đã bị sửa thành số 2. Xét thấy, thời điểm năm 1990, tờ bản đồ giải thửa 299 đã được đo vẽ; trên Sổ đăng ký ruộng đất năm 1989 thể hiện diện tích đất ông Hoàng Văn Th1 kê khai là 348m<sup>2</sup>, nhưng Giấy chứng nhận ngày 12-01-1990 và ngày 22-5-1990 đều chỉ ghi diện tích là 258m<sup>2</sup>, 230m<sup>2</sup> hoặc 130m<sup>2</sup>. Do đó, có cơ sở xác định cụ Lý Viết M cho bà Lý Thị H đất, nhưng không có cơ sở xác định chính xác diện tích đất bà Lý Thị H được cho là bao nhiêu mét vuông.

[8] Tại Giấy chứng nhận đề ngày 12-01-1990 thể hiện ông Lý Viết H không đồng ý việc cụ Lý Viết M cho bà Lý Thị H thửa đất và đòi tiền bà Lý Thị H. Mâu thuẫn giữa ông Lý Viết H và bà Lý Thị H được các đương sự thừa nhận. Ngày 22-5-1990, ông Lý Viết C viết Giấy chứng nhận, nội dung thể hiện cụ Lý Viết M cho bà Lý Thị H khoảng 230m<sup>2</sup> để làm nhà và công trình phụ, có chữ ký của ông Lý Viết C và ông Lý Viết H; bà Lý Thị H thừa nhận ông Lý Viết M là người đưa cho bà bản gốc Giấy chứng nhận nói trên. Do đó, mặc dù ông Hoàng Văn Th1 kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất năm 1983 và đứng tên trong Sổ đăng ký ruộng đất năm 1989, nhưng có cơ sở xác định năm 1990, giữa ông Lý Viết H và bà Lý Thị H vẫn có tranh chấp đối với thửa đất; tuy nhiên, các bên không yêu cầu chính quyền giải quyết mà cụ Lý Viết M là người giải quyết tranh chấp trong nội bộ gia đình.

[9] Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hà Văn C khai trước khi ký xác nhận vào Giấy chứng nhận ngày 12-01-1990,

ông Hà Văn C đã đến thực địa xác minh, thấy rằng giữa thửa đất có lối đi và cụ Lý Viết M nói cho con gái đất làm nhà ở, phần còn lại để làm vườn; lời khai của ông Hà Văn C phù hợp với nội dung Giấy bán nhà ngày 03-11-1990, giữa bên bán là vợ chồng bà Lý Thị H, bên mua là vợ chồng bà Lê Thị T, trong đó ghi *“Phía Đông giáp mảnh đất của ông Lý Văn M rồi đến nhà ông Hoàng Văn D1”*. Như vậy, có cơ sở xác định cụ Lý Viết M chỉ cho vợ chồng bà Lý Thị H một phần thửa đất; và vợ chồng bà Lý Thị H đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà Lê Thị T toàn bộ diện tích đất được cụ Lý Viết M cho cùng các tài sản trên đất. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị H về việc yêu cầu bà Lê Thị T tháo dỡ, di dời tài sản trên đất và trả lại bà Lý Thị H 216,6m<sup>2</sup> là có căn cứ, do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lý Thị H đối với nội dung nói trên.

[10] Xét kháng cáo của bà Lý Thị H về yêu cầu hủy giao dịch mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lý Viết H, bà Tống Thị N với ông Hoàng Văn Th2 và bà Lê Thị T vì vô hiệu, thấy rằng: Ngày 12-12-1992, vợ chồng ông Lý Viết H viết Giấy bán đất vườn cho vợ chồng bà Lê Thị T, nội dung thể hiện *“Phía Đông giáp nhà ông Hoàng Văn D1; ...Phía Tây giáp nhà ông Thọ”*. Ông Lý Viết H xác định việc chuyển nhượng được sự đồng ý của cụ Lý Viết M; nội dung này phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị P và bà Lã Thị B; từ sau khi chuyển nhượng, giữa cụ Lý Viết M, ông Lý Viết H với gia đình bà Lê Thị T không có tranh chấp. Do đó, có cơ sở xác định mặc dù quyền sử dụng phần đất còn lại là của cụ Lý Viết M, nhưng cụ Lý Viết M đã đồng ý cho vợ chồng ông Lý Viết H chuyển nhượng.

[11] Về giá trị pháp lý của Giấy bán đất vườn ngày 12-12-1992: Hình thức Giấy bán đất không phù hợp với quy định của pháp luật, không có xác nhận của chính quyền địa phương, tuy nhiên, sau khi nhận chuyển nhượng, bà Lê Thị T đã sử dụng đất ổn định; ông Lý Viết H đã nhận đủ tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất; tại Công văn số 1054/UBND-TNMT ngày 06/5/2020, UBND thành phố L xác định *“đất đang có tranh chấp giữa bà Hiền và bà Thiệu thuộc quy hoạch khu đất ở tại nông thôn, không nằm trong ranh giới thực hiện các dự án, công trình thu hồi đất trên địa bàn thành phố L”*. Theo quy định tại điểm b.3, tiểu mục 2.2, Mục 2 Phần II của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10-8-2004, thì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thể hiện dưới tiêu đề *“Giấy bán đất vườn”* ngày 12-12-1992 nói trên được công nhận. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Lý Thị H về việc hủy giao dịch mua bán, chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông Lý Viết H và vợ chồng bà Lê Thị T vô hiệu là có căn cứ, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Lý Thị H về tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

[12] Căn cứ Giấy bán nhà ngày 03-11-1992, Giấy bán đất vườn ngày 12-12-1992, có cơ sở xác định vợ chồng bà Lê Thị T đã nhận chuyển nhượng toàn bộ thửa đất có nguồn gốc của cụ Lý Viết M; từ khi nhận chuyển nhượng đất, gia đình bà Lê Thị T đã sử dụng liên tục từ năm 1992, đến năm 2019 mới phát sinh tranh chấp với bà Lý Thị H. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003, điểm d khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 thì hộ

gia đình bà Lê Thị T thuộc trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị H; đồng thời quyết định hộ gia đình bà Lê Thị T có quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất là phù hợp với quy định của pháp luật đất đai.

[13] Về chi phí tố tụng: Cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm, do đó, nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và án phí sơ thẩm thực hiện theo quyết định của Bản án sơ thẩm.

[14] Về án phí phúc thẩm: Bà Lý Thị H là người cao tuổi, quá trình giải quyết vụ án có đơn đề nghị miễn án phí; do đó, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Lý Thị H được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lý Thị H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DT-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lý Thị H được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Lý Thị H 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 2366 ngày 03-9-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;
- TT TGPLNN tỉnh Lạng Sơn;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Lệ Hường**